

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Văn Nghị.

2. Bà Trần Thị Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Xuân N, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn HS, xã B, huyện T, Bình Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1991 (Vắng mặt lần 02).

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Lâm Thị Xuân N trình bày:** Chị và anh Nguyễn Văn N1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý, tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 31/02/2015.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh N1 không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc về gây sự đánh đập, chửi mắng chị; vì con chị đã bỏ qua tiếp tục chịu đựng chung sống (chị đã nộp đơn ly hôn một lần nhưng anh N1 hứa sửa đổi nên rút

đơn). Nhưng anh N1 vẫn không cải sửa, đến giữa năm 2019 vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phân ai nấy sống, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì nữa chị yêu cầu được ly hôn anh N1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lâm Ngọc T (nữ), sinh ngày 07/10/2017. Con chung hiện do chị nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành; không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

**Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn N1 vắng mặt không có lý do:** anh Nguyễn Văn N1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 28/5/2021 Công an xã B cung cấp: anh Nguyễn Văn N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã B, huyện T, Bình Định theo hộ khẩu số 1310 của cha ruột là ông Nguyễn Văn M. Anh N1 là thợ giày tại thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng vẫn về nhà thăm gia đình. Anh N1 chưa làm thủ tục cắt, chuyển khẩu đi nơi khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: về hôn nhân: chị Lâm Thị Xuân N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1; về con chung: giao con chung Nguyễn Lâm Ngọc T, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Lâm Thị Xuân N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành (vì con còn nhỏ và là con gái; để thuận lợi cho việc phát triển của con chung); về cấp dưỡng nuôi con chung: vì chị N không yêu cầu nên miễn xét; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* **Về tố tụng:** anh Nguyễn Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

\* **Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Xuân N và anh Nguyễn Văn N1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 31/12/2015 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh N1 không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc về gây sự chửi mắng, đánh đập chị N. Vì con chị N đã bỏ qua nhiều để tiếp tục chung sống. Nhưng anh N1 vẫn không cải sửa, đến giữa năm 2019 thì vợ chồng cắt đứt quan hệ phân ai nấy sống, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh N1 có 01 con chung tên Nguyễn Lâm Ngọc T (nữ), sinh ngày 07/10/2017, khi nay do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét con chung vẫn còn nhỏ, là con gái cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ; để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho con trẻ, áp dụng quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung (Nguyễn Lâm Ngọc T) cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc chị Lâm Thị Xuân N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006763 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Xuân N, tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lâm Thị Xuân N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

- **Về con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Lâm Ngọc T (nữ), sinh ngày 07/10/2017 cho chị Lâm Thị Xuân N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu nên miễn xét.

**2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Lâm Thị Xuân N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào khoản tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0006763 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Giang Nam**